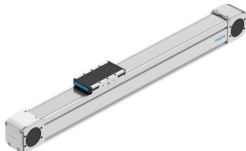


Trục đai răng
ELGD-TB-KF-60- -
Số bộ phận: 8176884

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Đường kính hiệu quả của bánh răng truyền động	31.51 mm
Hành trình làm việc	50 mm...8500 mm
Kích thước	60
Dự trữ hành trình	0 mm
Bước đai răng	3 mm
Vị trí lắp đặt	bất kì
Dẫn hướng	Thanh dẫn hướng cầu tuần hoàn
Cấu trúc xây dựng	Trục tuyến tính cơ điện với dây đai răng
Loại động cơ	Động cơ bước Động cơ servo
Nguyên tắc đo Hệ thống đo quang đường	Tương đối
Phát hiện vị trí	cho cảm biến cảm ứng
Tăng tốc tối đa	50 m/s ²
Tốc độ tối đa	3 m/s
Độ chính xác lặp lại	±,04 mm
Thời gian bật	100%
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion	Sản phẩm tương ứng với định nghĩa sản phẩm nội bộ của Festo để sử dụng trong sản xuất pin: Các kim loại có hơn 1% trọng lượng là đồng, kẽm hoặc niken không được sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, bo mạch, cáp, bộ kết nối và cuộn dây.
Mức độ bảo vệ	IP40
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 °C...60 °C
Năng lượng va chạm ở các vị trí cuối	0.13 mJ
Lưu ý về năng lượng va chạm ở vị trí cuối	Ở tốc độ di chuyển tham chiếu tối đa là 0,01 m/s
Khoảng khắc của diện tích ly bậc 2	485200 mm ⁴
Khoảng khắc của khu vực Iz độ 2	730600 mm ⁴
Mô-men truyền động cực đại	5.5 N m
Lực tối đa Fy	2200 N...4400 N
Lực tối đa Fz	2200 N...4400 N
Lực tối đa Fy trục tổng thể	1513 N...3026 N

Đặc tính	Giá trị
Lực tối đa Fz trục tổng thể	3000 N...3200 N
Fy với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	9208 N...18415 N
Fz với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	9208 N...18415 N
Khả năng chống dịch chuyển không tải tối đa	29.8 N
Thời điểm tối đa Mx	38 N m...75 N m
Max. Moment My	15 N m...150 N m
Mô-men tối đa Mz	15 N m...140 N m
Mô men tối đa Mx trục tổng thể	68 N m...119 N m
Mô men tối đa My trục tổng thể	40 N m...128 N m
Mô men tối đa Mz trục tổng thể	50 N m...133 N m
Mx với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	157 N m...314 N m
Của tôi với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	60 N m...500 N m
Mz với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	60 N m...500 N m
Khoảng cách của bề mặt trượt đến tâm dẫn hướng	49 mm
Lực nạp tối đa Fx	350 N
Mômen quán tính xoắn Nó	192900 mm ⁴
Mô-men quán tính khối lượng JH trên mỗi mét hành trình	0.3128 kgcm ²
Mômen quán tính khối lượng JL trên kg trọng tải	2.4822 kgcm ²
Mô men quán tính khối lượng JO	2.1016 kgcm ² ...2.6749 kgcm ²
Nạp liệu không đổi	99 mm/vòng
Tuổi thọ tham khảo	5000 km
Khoảng thời gian bảo trì	bôi trơn suốt đời
Khối lượng di chuyển	490 g...710 g
trọng lượng sản phẩm	2486 g...2909 g
Trọng lượng cơ bản ở hành trình 0 mm	2486 g...2909 g
Trọng lượng bổ sung cho mỗi hành trình 10 mm	49 g
Độ võng động (Tải trọng di chuyển)	0,05% chiều dài của trục, tối đa 0,5 mm
Độ võng tĩnh (tải ở trạng thái dừng)	0,1% chiều dài của trục
Bộ truyền động mã giao diện	N48
Vật liệu nắp cuối	Đúc khuôn bằng nhôm trọng lực, sơn
Hồ sơ vật liệu	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Chất liệu của băng che	thép không gỉ hợp kim cao
Vật liệu nắp truyền động	Đúc khuôn bằng nhôm trọng lực, sơn
Vật liệu thanh dẫn hướng ổ trượt	Thép
Vật liệu ray dẫn hướng	Thép
Ròng rọc vật liệu	thép hợp kim cao không gỉ
Vật liệu các ổ trượt	Hợp kim nhôm rèn
Vật liệu đai răng	Polyurethane với dây thép